

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 229/2018/HSST

Ngày: 15-8-2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức NgU.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Quỹ.

Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Kim Huế - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15-8-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2018/TLST-HS ngày 19-7-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2018/QĐXXST-HS ngày 01-8-2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Văn Đ, sinh năm 1981, tại NĐ; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đội 3 xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Phong Q và bà Đỗ Thị T; có vợ Phạm Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 24-5-2018 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo Đỗ Văn Đ có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Chị Đàm Thị Thu U, sinh năm 1999; nơi cư trú: Xóm Đ, thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Chị U vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Chị Đàm Ngọc L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Xóm Đ, thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Chị L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 21-5-2018 Đỗ Văn Đ đi xe khách của nhà xe QN từ bến xe Gia Lâm thành phố Hà Nội về huyện N, tỉnh Nam Định. Khi lên xe, Đ ngồi một mình ở hàng ghế thứ hai từ dưới lên, giáp cửa lên xuống. Tại hàng ghế phía trước có chị Đàm Thị Thu U ngồi. Khi xe đến gần siêu thị BigC Nam Định, Đ thấy chị U cầm chiếc điện thoại Iphone6Plus màu trắng và nói chuyện với ai đó, sau đó chị U bỏ chiếc điện thoại vào ngăn ngoài của chiếc balô rồi kéo khóa lại.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi xe ô tô đi trên quốc lộ 10 đến chân cầu vượt L, xã L, thành phố N thì chị U yêu cầu lái xe cho xuống, khi xe dừng lại chị U đứng dậy đeo balo lên vai. Do ngăn balo để điện thoại kéo khóa không kín nên chiếc điện thoại bị lộ ra ngoài khoảng 5 đến 7 cm. Đ ngồi sau thấy sơ hở, quan sát xung quanh không có ai nên đã dùng tay trái móc chiếc điện thoại Iphone6Plus của chị U rồi cất vào túi quần bên trái của mình. Chị U xuống xe định lấy điện thoại gọi cho người thân ra đón thì phát hiện điện thoại đã bị mất. Chị U mượn điện thoại của người bán hàng nước gần đó gọi cho bố mình. Khi bố chị U đến nơi, chị U dùng số điện thoại của bố gọi vào số điện thoại của mình thì vẫn thấy đổ chuông nhưng không ai nghe máy. Đến tối cùng ngày, Đ về nhà rồi lấy điện thoại Iphone6Plus của chị U ra để sử dụng nhưng do máy cài mật khẩu, không mở được nên Đ tháo sim điện thoại trong máy Iphone6Plus ra và lắp vào điện thoại Coolpad của mình. Trưa ngày 22-5-2018 chị U tiếp tục gọi điện vào số điện thoại bị mất thì Đ nghe máy, chị U nói với Đ cho xin điện thoại nhưng Đ không đồng ý và yêu cầu nói chuyện với người lớn tuổi hơn. Đến chiều cùng ngày, chị Đàm Ngọc L là chị gái chị U gọi vào số điện thoại của chị U và nói chuyện với Đ. Chị L đề nghị với Đ chuộc điện thoại với giá 2.000.000 đ và hẹn 7 giờ 30 phút sáng ngày 23-5-2018 gặp nhau tại siêu thị BigC Nam Định để giao dịch. Khoảng 6 giờ ngày 23-5-2018 chị L ra điểm hẹn để gặp Đ còn chị U đến Công an thành phố N trình báo toàn bộ sự việc. Trong lúc Đ nhận tiền của chị L và đưa chiếc điện thoại của chị U thì bị Cơ quan Công an bắt giữ, thu giữ trên người Đ 01 chiếc điện thoại Iphone6Plus và 2.000.000 đ chị L vừa đưa. Sau đó, Đ và những người liên quan được đưa về trụ sở công an thành phố N để làm việc.

Tại Cơ quan Công an, Đỗ Văn Đ đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên và Cơ quan Công an tạm giữ của Đ chiếc điện thoại Coolpad màu trắng.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, thành phố N đã định giá chiếc điện thoại Iphone6Plus là vật chứng của vụ án có trị giá 5.100.000 đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng). Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại cho chị U chiếc điện thoại Iphone6Plus, chị U nhận tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 226/CT-VKSTPNĐ ngày 18-7-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Đỗ Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn Đ khai: Vào chiều ngày 21-5-2018 vì không kiểm chế được lòng tham và lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone6Plus trị giá 5.100.000 đ của chị Đàm Thị Thu U và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đỗ Văn Đ theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Áp dụng Khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình năm 2015 trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại bị cáo chiếc điện thoại nhãn hiệu Coolpad đã cũ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xét xử khoan hồng để bị cáo cải tạo trở thành người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Văn Đ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đơn trình báo của người bị hại; biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; lời khai của những người làm chứng nên đã có đủ cơ sở kết luận vào chiều ngày 21-5-2018 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone6Plus trị giá 5.100.000 đ của chị Đàm Thị Thu U. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội trên địa bàn thành phố N. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố và đề nghị Toà án xét xử bị cáo theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; ăn năn, hối cải; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo để bị cáo cải tạo tại địa phương có sự giám sát giáo dục của Ủy ban nhân dân nơi cư trú cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại là chị Đàm Thị Thu U đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone6Plus và không có đề nghị gì khác nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Coolpad đã cũ thu giữ của bị cáo Đỗ Văn Đ xét không liên quan đến vụ án nên trả lại bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo có thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-5-2018 đến ngày 15-8-2018).

- Giao bị cáo Đỗ Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo Đỗ Văn Đ tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Coolpad màu trắng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Số vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/7/2018 giữa Công an thành phố N với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đỗ Văn Đ phải nộp 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo Đỗ Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là chị Đàm Thị Thu U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế theo các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục thi hành án TP. N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Nguyên

